

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGÃ NĂM  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DS-ST.

Ngày 16/8/2022.

*“V/v tranh chấp đòi lại quyền sử  
dụng đất”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Vàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đàm Thị Thanh Loan

Ông Đỗ Huy Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Niêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2021/TLST-DS ngày 13/4/2021, về việc “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-DS ngày 07/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 135/2022/QĐST-DS ngày 27/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn N, sinh năm 1939 (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Phan H (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan P (Vắng mặt)

2. Ông Phan T, sinh năm 1961 (Có mặt)

3. Bà Phan Tu (Vắng mặt)

4. Ông Phan Tg, sinh năm 1975 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

5. Ông Phan C (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm E, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bà Phan Th, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

7. Ông Phan ĐK, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số ..., đường L, khóm P, phường U, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 13/01/2021, đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện lập ngày 06/7/2021, biên bản lấy lời khai lập ngày 09/6/2021, biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2021, biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2022, nguyên đơn bà Đoàn N trình bày:*

Nguồn gốc đất: Phần đất tranh chấp với bà Phan K là do bà và chồng bà là ông Phan N1 (đã chết năm 2013) khai phá, sử dụng đất từ năm 1975 đến nay. Phần đất này dưới mé sông nên vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất. Phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 49, do chồng bà là ông Phan N1 đứng tên trên sổ mục kê.

Năm 2013 ông N1 chết không có để lại di chúc cho ai. Bà và ông Phan N1 có tất cả 08 người con gồm ông Phan C, ông Phan P, ông Phan T, bà Phan Th, ông Phan ĐK, bà Phan K, bà Phan Tu và ông Phan Tg. Ngoài ra thì hai vợ chồng bà không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Nguyên trước đây bà có cho cháu Ngô A mượn một phần đất để cất nhà ở, khi bà A cất nhà ở được ba đến bốn năm thì không ở nữa, bà A bán căn nhà trên lại cho bà Phan K là con gái bà. Phần đất bà K mua lại của bà A và phần đất của bà đang quản lý, sử dụng thì có hàng rào lá làm ranh. Sau một khoảng thời gian sử dụng thì bà K lấn chiếm đất của bà khoảng ba bốn năm nay. Phần đất mà có nhà bà K đang ở gắn liền trên đất thì bà thống nhất cho bà K, không có tranh chấp nữa. Bà chỉ yêu cầu bà K trả lại phần đất đã lấn chiếm của bà. Theo bà K cho rằng bà K sử dụng đất tranh chấp là do ông N1, chồng bà cho đất là không có thật.

Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn bà Đoàn N yêu cầu bị đơn bà Phan K trả cho bà phần đất có chiều ngang khoảng 07m, dài khoảng 15m. Tại biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà N lập ngày 27/7/2022, bà N thể hiện ý kiến: Phần đất tranh chấp giữa bà và bà K có phần đất Nhà nước đã bồi thường giải phóng mặt bằng và phần đất thuộc quyền quản lý của nhà nước thì bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà chỉ yêu cầu bà Phan K trả lại cho bà phần đất có diện tích lấn chiếm còn lại là 11,8m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 49 (thửa đất mới số 13), tờ bản đồ số 01 (tờ bản đồ mới số 87), đất tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, bà cũng đã lớn tuổi nên xin được vắng mặt khi xét xử.

*2/ Bị đơn bà Phan K không có văn bản trình bày.*

Tuy nhiên, trong biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ lập ngày 01/7/2021 thì bà Phan K có trình bày ý kiến lý do bà K được sử dụng phần đất này là do cha bà cho bà.

*3/ Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Tg, ông Phan*

*T cùng thống nhất trình bày như sau:*

Các ông là con ruột của bà Đoàn N và ông Phan N1. Mẹ ông trình bày cha mẹ ông có tám người con đã đầy đủ, ngoài ra, cha mẹ các ông không có con riêng hay con nuôi nào khác. Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa bà Đoàn N và bà Phan K là của bà Đoàn N và ông Phan N1 tạo lập từ năm 1975 đến nay. Phần đất này cha mẹ ông chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất do đất nằm dưới mé sông. Phần đất bà K đã cất nhà ở trên đất thì mẹ các ông không tranh chấp, quá trình sử dụng đất thì bà K đã dung lưới rào lấn thêm qua phần đất của cha mẹ ông khoảng ba bốn năm nay. Phần đất của cha mẹ ông thuộc thửa đất số 49 khi Nhà nước làm lộ thì có bồi thường một phần đất, mẹ ông chính là người nhận tiền bồi thường. Khi cha các ông là ông Phan N1 chết năm 2013 thì cũng không có để lại di chúc thửa đất số 49 này cho ai, nhưng khi cha các ông còn sống thì cũng không có cho bà K phần đất này. Nay các ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của mẹ các ông là bà Đoàn N, thống nhất giao phần đất bà K giao trả lại cho bà N được quản lý, sử dụng.

*4/ Theo biên bản lấy lời khai lập ngày 24/11/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan C trình bày như sau:*

Ông là con ruột của bà Đoàn N và ông Phan N1. Mẹ ông trình bày cha mẹ ông có tám người con đã đầy đủ, ngoài ra, cha mẹ ông không có con riêng hay con nuôi nào khác. Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa bà Đoàn N và bà Phan K là của bà Đoàn N và ông Phan N1 tạo lập từ năm 1975 đến nay. Phần đất này cha mẹ ông chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất do đất nằm dưới mé sông. Phần đất bà K đã cất nhà ở trên đất thì mẹ ông không tranh chấp, quá trình sử dụng đất thì bà K đã trồng cây lấn từ từ qua phần đất của cha mẹ ông khoảng ba bốn năm nay. Khi cha ông là ông Phan N1 chết năm 2013 thì cũng không có để lại di chúc thửa đất số 49 này cho ai, nhưng khi cha ông còn sống thì cũng không có cho bà K phần đất này. Nay ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của mẹ ông là bà Đoàn N, thống nhất giao phần đất bà K giao trả lại cho bà N được quản lý, sử dụng.

*5/ Theo biên bản lấy lời khai lập ngày 10/6/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Th trình bày như sau:*

Bà là con ruột của bà Đoàn N và ông Phan N1. Mẹ bà trình bày cha mẹ bà có tám người con là đúng. Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa bà Đoàn N và bà Phan K là của bà Đoàn N và ông Phan N1 tạo lập. Khi cha bà là ông Phan N1 chết năm 2013 thì cũng không có để lại di chúc thửa đất số 49 này cho ai, nhưng khi cha bà còn sống thì cũng không có cho bà K phần đất này. Theo bà thì bà K đã lấn chiếm đất của mẹ bà khoảng 10 năm nay. Nay bà cũng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của mẹ bà, bà yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà vì bà bận nhiều việc không tham gia được

*6/ Theo biên bản lấy lời khai lập ngày 13/6/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan ĐK trình bày như sau:*

Ông là con ruột của bà Đoàn N và ông Phan N1. Mẹ ông trình bày cha mẹ ông có tám người con là đúng. Nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa bà Đoàn N và bà Phan K là của bà Đoàn N và ông Phan N1 tạo lập. Khi cha bà là ông Phan N1 chết năm 2013 thì cũng không có để lại di chúc thừa đất số 49 này cho ai. Theo bà N khởi kiện bà K để trả lại một phần đất thuộc một phần thửa đất số 49 thì ông nghĩ trước đây cha ông có cho miệng bà K phần đất này nhưng không có làm giấy tờ nên việc mẹ ông bà N đòi lại đất thì ông không đồng ý, ông không thống nhất. Ông cũng đề nghị xét xử vắng mặt ông.

*7/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan P, bà Phan Tu không có ý kiến trình bày.*

*8/ Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Tuy nhiên, Thẩm phán còn đề án quá thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị nghiêm túc rút kinh nghiệm. Nguyên đơn bà Đoàn N, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Th, ông Phan ĐK đều vắng mặt và có ý kiến xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Tg, ông Phan T có mặt đã chấp hành đúng quy định triệu tập của BLTTDS; còn bị đơn bà Phan K, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan P, bà Phan Tu, ông Phan C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ, hợp pháp đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn N. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Phan K giao trả lại cho nguyên đơn bà Đoàn N phần đất có diện tích 11,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 49, đất tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Buộc bị đơn bà Phan K tự di dời các cây trồng trên phần đất tranh chấp để trả lại đất cho nguyên đơn. Tạm giao đất cho bà Đoàn N quản lý, sử dụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn bà Đoàn N, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Th, ông Phan ĐK nhưng đều có ý kiến xin vắng mặt, còn bị đơn bà Phan K, những người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan ông Phan P, bà Phan Tu, ông Phan C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[1.2] Về việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Đoàn N yêu cầu bị đơn bà Phan K giao trả lại phần đất có chiều ngang khoảng 07m, chiều dài khoảng 15m (diện tích tương đương  $7 \times 15 = 105\text{m}^2$ ). Sau đó, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà K trả cho bà phần đất thuộc thửa số 49, diện tích  $11,8\text{m}^2$ . Nhận thấy, việc thay đổi này không vượt phạm vi khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi của bà Đoàn N.

### **Về nội dung vụ án**

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn N về việc yêu cầu bị đơn bà Phan K trả lại phần đất diện tích  $11,8\text{m}^2$  thuộc một thửa đất số 49, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về nguồn gốc phần đất: Các đương sự trong vụ án đều thống nhất trình bày nguồn gốc phần đất tranh chấp giữa bà Đoàn N và bà Phan K là do bà Đoàn N và ông Phan N1 tạo lập từ năm 1975 sử dụng đến nay. Theo công văn số 211/TNMT ngày 19/11/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N đại diện cho Ủy ban nhân dân thị xã N xác định thửa đất số 49, tờ bản đồ số 01, diện tích tổng  $777\text{m}^2$ , loại đất cây lâu năm khác, đất tọa lạc Khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do ông Phan N1 đứng tên trên sổ mục kê, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất, nhưng thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định tại Điều 100 và Điều 101 của Luật đất đai năm 2013. Phần đất này được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông N1 nên đây là tài sản chung của vợ chồng bà N và ông N1, tài sản chung của vợ chồng bà N và ông N1 thuộc tài sản chung hợp nhất chưa được phân chia. Ông Phan N1 chết ngày 08/01/2013 không để lại di chúc cho ai. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản hợp pháp của vợ chồng nguyên đơn bà Đoàn N.

[2.2] Tại biên bản hòa giải lập ngày 17/12/2020 của Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thì bị đơn bà Phan K có trình bày: bà cũng thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp là của bà N và ông N1 khai phá, bà K cho rằng ông N1 cho đất nhưng không có cung cấp giấy tờ tài liệu cho Tòa án xem xét việc cha bà cho bà phần đất này. Nguyên đơn bà N không thừa nhận ông N1 cho bà K phần đất tranh chấp, các anh chị em của bà gồm ông C, ông T, ông Tg, bà Th cũng không ai biết việc ông N1 có cho bà K phần đất tranh chấp nên bà N yêu cầu bà K giao trả lại phần đất diện tích  $11,8\text{m}^2$  thuộc một phần thửa đất số 49 nêu tại mục [2.1] là phù hợp quy định tại điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cho nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Theo nhận định tại mục [2.2] thì thửa đất số 49 là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng bà N và ông N1. Ông N1 là người đứng tên trên sổ mục kê. Năm 2013 ông N1 chết không có để lại di chúc. Nên xác định thửa đất số 49 là di sản thừa kế. Các đương sự trong vụ án không ai có yêu cầu về việc phân chia di sản thừa kế. Các con chung của ông N1 và bà N gồm ông C và bà Th cũng thống nhất với yêu cầu đòi đất của bà N; còn ông T và ông Tg cũng thống nhất giao phần đất tranh chấp cho bà N quản lý sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử tạm giao lại phần đất tranh chấp có diện tích 11,8m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 49 cho bà N quản lý, sử dụng đất.

[3] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm lập thì trên toàn bộ phần đất tranh chấp bao gồm cả phần đất Nhà nước đã bồi thường, giải phóng mặt bằng khi làm lộ và phần đất thuộc kênh xáng chìm nhưng do bồi đắp thì có một số cây trồng cụ thể 01 cây xoài loại B; 02 cây mít loại C; 01 cây vú sữa loại C. Bà N cho rằng 02 cây mít là do bà K trồng, còn cây Xoài và Vú sữa do bà N trồng. Bà K thì cho rằng cây vú sữa tự mọc, Xoài và Mít do bà K trồng. Do phần đất tranh chấp được giao cho bà N diện tích quá nhỏ so với khi thẩm định đất, không xác định được trên phần đất tranh chấp có dính cây trồng nào của bị đơn bà K trồng hay không. Nên đất là phần đất hợp pháp của vợ chồng bà N, bà K đã tự ý trồng cây không được bà N đồng ý nên bà K phải tự di dời các cây trồng trên phần đất tranh chấp để giao trả đất lại cho bà N.

[4] Về chi phí tố tụng:

[4.1] Về chi phí thẩm định, định giá: 4.343.077 đồng. Bà Đoàn N được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà Phan K phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà N đã tạm ứng trước số tiền này nên buộc bà K hoàn trả lại cho bà N.

[4.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan K phải chịu án phí theo khoản 2 của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đoàn N không phải chịu án phí, bà N thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét hoàn trả tạm ứng án phí cho bà N.

[5] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tòa án nghiêm túc rút kinh nghiệm về việc đề án quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn N về việc yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất.

Buộc bà Phan K hoàn trả cho bà Đoàn N phần đất có diện tích 11,8m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 49 (thửa đất mới số 13), tờ bản đồ số 01 (tờ bản đồ mới số 87), đất loại trồng cây lâu năm khác, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại do ông Phan N1 đứng tên trên sổ mục kê. Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất đã giải phóng mặt bằng, có số đo: 8,76m

Hướng Tây giáp phần đất thuộc kênh xáng chìm do bồi đắp, có số đo: 8,77m

Hướng Nam giáp phần đất thuộc thửa đất số 49 do bà Phan K đang sử dụng, có số đo: 1,19m

Hướng Bắc giáp phần đất thuộc thửa đất số 49, có số đo: 1,51m

Kèm theo bản án có phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất.

Tạm giao phần đất tranh chấp tranh chấp nêu trên cho bà Đoàn N được quản lý, sử dụng đất.

2/ Buộc bà Phan K tự di dời các cây trồng nằm trong diện tích phần đất tranh chấp để giao trả lại phần đất cho bà Đoàn N được nêu tại mục 1.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

3.1/ Về chi phí thẩm định, định giá: 4.343.077 đồng (Bốn triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm bảy mươi bảy nghìn). Bà Đoàn N đã tạm ứng trước số tiền này nên buộc bà Phan K hoàn trả lại cho bà Đoàn N số tiền 4.343.077 đồng (Bốn triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm bảy mươi bảy nghìn).

3.2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đoàn N không phải chịu án phí sơ thẩm.

+ Bà Phan K phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký tên và đóng dấu**

**Đặng Thị Vàng**